

Số: **37** /2017/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **07** tháng **12** năm 2017

THÔNG TƯ

Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia” và Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy hoạch sử dụng kênh tần số cho phát thanh FM, bao gồm việc bố trí và quy định điều kiện sử dụng kênh tần số cho phát thanh FM băng tần 87-108 MHz và quy định điều kiện sử dụng tần số đối với các đài truyền thanh không dây, các đài phát lại phát thanh FM.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, đơn vị tham gia quản lý, sử dụng kênh tần số phát thanh FM.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ kênh tần số

1. Tính đến hiện trạng sử dụng của Việt Nam để bảo đảm việc chuyển đổi từ hiện trạng sang quy hoạch với chi phí thấp nhất.

2. Phân bổ kênh tần số hợp lý, hiệu quả đáp ứng nhu cầu phủ sóng phát thanh FM các kênh chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, các kênh chương trình phát thanh của Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hạn chế phủ sóng chồng lấn lẫn nhau giữa các đài phát sóng phát thanh FM phát cùng kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Điều 3. Quy định về phân kênh, phân bổ kênh tần số phát thanh FM

1. Phân kênh tần số cho phát thanh FM được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phân bổ kênh tần số cụ thể để phát sóng các kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam và các Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại Phụ lục II và III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Quy định về ấn định và sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Căn cứ vào Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và nhu cầu sử dụng kênh tần số, các tham số phát sóng được tính toán ấn định và quy định cụ thể trong Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Vùng phủ sóng phát thanh FM được tính toán với mức cường độ trường tối thiểu quy định tại mục 1, tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu quy định tại mục 2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phủ sóng phát thanh FM và bảo vệ khỏi nhiễu có hại trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. Riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được phủ sóng sang địa bàn thuộc các tỉnh, thành phố khác nhưng không được gây nhiễu có hại cho các hệ thống phát thanh FM khác đã được phân bổ kênh tần số theo quy định tại Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện được phủ sóng phát thanh FM và bảo vệ khỏi nhiễu có hại trong phạm vi địa giới hành chính của huyện đó.

5. Trên cơ sở không gây nhiễu có hại cho các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam và của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang hoạt động hoặc đã được phân bổ kênh tần số tại Phụ lục II và Phụ lục III, các đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện được xem xét ấn định kênh tần số tại các đoạn băng tần theo thứ tự tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Đài phát sóng phát thanh FM phải sử dụng anten có hướng tính phù hợp để phủ sóng hiệu quả và không gây nhiễu có hại tới các đài phát sóng phát thanh FM và các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác.

7. Đài phát sóng phát thanh FM ở khu vực biên giới phải sử dụng anten có hướng tính phù hợp để bảo đảm vùng phủ sóng tuân theo thỏa thuận về phối hợp tần số biên giới giữa Việt Nam với nước láng giềng.

8. Đài phát sóng thử nghiệm, đài phát sóng phát thanh FM kênh chương trình đặc thù, đài phát lại phát thanh FM phủ sóng vùng lõm, vùng sâu, vùng xa được ấn định kênh tần số theo từng trường hợp trên cơ sở không gây nhiễu có hại cho đài phát sóng phát thanh FM khác đã được phân bổ kênh tần số theo quy định tại Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Bổ sung kênh tần số đối với trường hợp đặc biệt

Căn cứ vào Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước và khả năng đáp ứng về tần số tại từng địa bàn, Cục Tần số vô tuyến điện xem xét ấn định bổ sung kênh tần số trong từng trường hợp cụ thể để đáp ứng nhu cầu phát triển thêm kênh chương trình phát thanh, mở rộng vùng phủ sóng phát thanh FM cho Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam:

a) Trường hợp Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện chuyển đổi kênh tần số của máy phát đang hoạt động hoặc đầu tư máy phát mới để phát sóng trên kênh tần số đã được phân bổ tại Thông tư này mà gây nhiễu có hại đến các đài phát sóng phát thanh FM cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện đã được cấp phép thì Đài Tiếng nói Việt Nam phải có trách nhiệm hỗ trợ các Đài bị ảnh hưởng thực hiện chuyển đổi tần số.

b) Trường hợp đài phát sóng phát thanh FM cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chuyển đổi kênh tần số đang hoạt động theo quy hoạch sang kênh tần số phân bổ dự phòng (để tạo điều kiện cho Đài Tiếng nói Việt Nam triển khai thực hiện quy hoạch) mà gây nhiễu có hại đến các đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện đã được cấp phép thì Đài Tiếng nói Việt Nam phải có trách nhiệm hỗ trợ các Đài bị ảnh hưởng thực hiện chuyển đổi kênh tần số.

c) Các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam đang hoạt động ở kênh tần số không phù hợp với quy hoạch thì phải thực hiện chuyển đổi về kênh tần số theo quy hoạch khi việc chuyển đổi không gây nhiễu có hại đến

các đài phát sóng phát thanh FM cấp tỉnh, đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện đang hoạt động.

2. Đối với đài phát sóng phát thanh FM cấp huyện:

Khi thực hiện đầu tư mới để thay thế máy phát sóng thì phải chuyển sang hoạt động ở kênh tần số được ấn định phù hợp với quy hoạch này để không gây nhiễu có hại cho các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam và các đài phát sóng phát thanh FM cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được phân bổ kênh tần số theo quy hoạch này.

3. Đối với đài truyền thanh không dây:

a) Đài truyền thanh không dây được cấp mới giấy phép hoạt động trong băng tần 54-68 MHz;

b) Không đầu tư mới, không cấp mới giấy phép cho đài truyền thanh không dây trong băng tần 87-108 MHz;

c) Các đài truyền thanh không dây đã được cấp phép trong băng tần 87-108 MHz không được gây nhiễu và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài phát thanh cấp huyện trong dải tần số 87-108 MHz và các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác; trường hợp gây nhiễu có hại cho các đài phát sóng phát thanh FM của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài phát thanh cấp huyện trong dải tần 87-108 MHz và các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác, đài truyền thanh không dây phải áp dụng ngay các biện pháp kỹ thuật để loại bỏ nhiễu có hại; nếu không loại bỏ được nhiễu có hại thì phải ngừng sử dụng.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Cục Tần số vô tuyến điện (Bộ Thông tin và Truyền thông) có trách nhiệm:

a) Phổ biến, hướng dẫn thực hiện Thông tư này;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này.

2. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đài phát thanh cấp huyện, Đài truyền thanh cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp với Thông tư này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **23** tháng **01** năm **2018** và thay thế Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, các Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Tần số vô tuyến điện;
- Đài Tiếng nói Việt Nam;
- Các Sở TT&TT và các Đài PT, Đài PTTH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công báo;
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, CTS.HQS.350.

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn

PHỤ LỤC I

BẢNG PHÂN KÊNH TẦN SỐ CHO PHÁT THANH FM
(Ban hành kèm theo Thông tư số **34**/2017/TT-BTTTT ngày **07/12/2017**

của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Băng tần số: 87 - 108 MHz

Phân kênh tần số:

Công thức xác định tần số trung tâm (MHz):

$$f_n = 87 + n \times 0,1 \quad n = 1, 2, 3, \dots, 209;$$

Bảng tần số trung tâm của các kênh

Kênh	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh	Tần số trung tâm (MHz)
1	87,1	43	91,3	85	95,5	127	99,7	169	103,9
2	87,2	44	91,4	86	95,6	128	99,8	170	104
3	87,3	45	91,5	87	95,7	129	99,9	171	104,1
4	87,4	46	91,6	88	95,8	130	100	172	104,2
5	87,5	47	91,7	89	95,9	131	100,1	173	104,3
6	87,6	48	91,8	90	96	132	100,2	174	104,4
7	87,7	49	91,9	91	96,1	133	100,3	175	104,5
8	87,8	50	92	92	96,2	134	100,4	176	104,6
9	87,9	51	92,1	93	96,3	135	100,5	177	104,7
10	88	52	92,2	94	96,4	136	100,6	178	104,8
11	88,1	53	92,3	95	96,5	137	100,7	179	104,9
12	88,2	54	92,4	96	96,6	138	100,8	180	105
13	88,3	55	92,5	97	96,7	139	100,9	181	105,1
14	88,4	56	92,6	98	96,8	140	101	182	105,2
15	88,5	57	92,7	99	96,9	141	101,1	183	105,3
16	88,6	58	92,8	100	97	142	101,2	184	105,4
17	88,7	59	92,9	101	97,1	143	101,3	185	105,5
18	88,8	60	93	102	97,2	144	101,4	186	105,6
19	88,9	61	93,1	103	97,3	145	101,5	187	105,7
20	89	62	93,2	104	97,4	146	101,6	188	105,8
21	89,1	63	93,3	105	97,5	147	101,7	189	105,9
22	89,2	64	93,4	106	97,6	148	101,8	190	106
23	89,3	65	93,5	107	97,7	149	101,9	191	106,1
24	89,4	66	93,6	108	97,8	150	102	192	106,2
25	89,5	67	93,7	109	97,9	151	102,1	193	106,3
26	89,6	68	93,8	110	98	152	102,2	194	106,4
27	89,7	69	93,9	111	98,1	153	102,3	195	106,5

28	89,8	70	94	112	98,2	154	102,4	196	106,6
29	89,9	71	94,1	113	98,3	155	102,5	197	106,7
30	90	72	94,2	114	98,4	156	102,6	198	106,8
31	90,1	73	94,3	115	98,5	157	102,7	199	106,9
32	90,2	74	94,4	116	98,6	158	102,8	200	107
33	90,3	75	94,5	117	98,7	159	102,9	201	107,1
34	90,4	76	94,6	118	98,8	160	103	202	107,2
35	90,5	77	94,7	119	98,9	161	103,1	203	107,3
36	90,6	78	94,8	120	99	162	103,2	204	107,4
37	90,7	79	94,9	121	99,1	163	103,3	205	107,5
38	90,8	80	95	122	99,2	164	103,4	206	107,6
39	90,9	81	95,1	123	99,3	165	103,5	207	107,7
40	91	82	95,2	124	99,4	166	103,6	208	107,8
41	91,1	83	95,3	125	99,5	167	103,7	209	107,9
42	91,2	84	95,4	126	99,6	168	103,8		

PHỤ LỤC II

**BẢNG PHÂN BỐ KÊNH TẦN SỐ ĐỂ PHÁT SÓNG PHÁT THANH FM
CÁC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH THUỘC ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số **37**/2017/TT-BTTTT ngày **07/12/2017**
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên tỉnh, thành phố	Địa bàn đặt máy phát sóng ⁽¹⁾	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh chương trình phát thanh ⁽²⁾		
1	Hà Giang	H. Quán Bạ	95	VOV1		
			96,5	VOV2		
			90,5	VOV4		
				TP. Hà Giang	100	VOV1
				H. Đồng Văn	100	VOV1
				H. Mèo Vạc	100	VOV1
				H. Bắc Quang	100	VOV1
				Chiều Lầu Thi, xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì	94	VOV1
					99,5	VOV2
					97	VOV4
2	Cao Bằng	H. Nguyên Bình	94	VOV1		
			103,5	VOV2		
			97	VOV4		
3	Bắc Kạn	TP. Bắc Kạn	97,8	VOV1-4		
			99,5	VOV2		
4	Điện Biên	H. Mường Nhé	95	VOV1		
			96,5	VOV2		
		TP. Điện Biên	100	VOV1		
			96,5	VOV2		
			102,7	VOV3		
			90,5	VOV4		
5	Lai Châu	TP. Lai Châu	95	VOV1		
			99,5	VOV2-4		
		Sìn Hồ	100	VOV1		
			96,5	VOV2		
			90,5	VOV4		
		Mường Tè	95	VOV1		
			96,5	VOV2-4		
			6	Lào Cai	TP. Lào Cai	94
103,5	VOV2-4					
101	VOV3					
91,5	VOVGT					

7	Sơn La	TP. Sơn La	95	VOV1
		Đèo Pha Đin	94	VOV1
			103,5	VOV2
			101	VOV3
			97	VOV4
			100	VOV1
		TT. Mộc Châu	103,5	VOV2
			100	VOV1
		TT. Sốp Cộp	94	VOV1
			96,5	VOV2
		TT. Sông Mã	95	VOV1
			97	VOV4
TT. Phù Yên	94	VOV1		
	99,5	VOV2		
8	Hòa Bình	TP. Hòa Bình	94	VOV1
			99,5	VOV2
9	Yên Bái	TP. Yên Bái	94	VOV1
10	Lạng Sơn	Núi Mẫu Sơn	95	VOV1
			99,5	VOV2-4
			101	VOV3
			91,5	VOVGT
11	Vĩnh Phúc	Tam Đảo	100	VOV1
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
12	Hà Nội	TP. Hà Nội	105,5	VOV5
			91	VOV GT
			89	VOV FM89
			104	TA 24/7
13	Hải Phòng	Cát Bà	95	VOV1
14	Quảng Ninh	Vân Đồn	100	VOV1
			96,5	VOV2-4
		TP. Hạ Long	94	VOV1
			103,5	VOV2
			101,5	VOV3
			91,5	VOVGT
			105,7	VOV5
			104	TA 24/7
		Tx. Móng Cái	95	VOV1
			103,5	VOV2
			101,5	VOV3
			91	VOVGT

15	Thanh Hóa	Núi Hàm Rồng	94	VOV1
			103,5	VOV2
			101	VOV3
			91,5	VOVGT
		H. Ngọc Lặc	100	VOV1-4
		H. Bá Thước	95	VOV1
			96,5	VOV2-4
16	Nghệ An	H. Quỳnh Hợp	95	VOV1
			103,5	VOV2
		H. Nghĩa Đàn	97,8	VOV1
		H. Tương Dương	103,5	VOV2
		H. Con Cuông	100	VOV1
		H. Kỳ Sơn	95	VOV1
			97	VOV4
		H. Quế Phong	94	VOV1
17	Hà Tĩnh	Núi Thiên Tượng ⁽³⁾	95	VOV1
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			91	VOVGT
		H. Hương Khê	94	VOV1
18	Quảng Bình	TP. Đồng Hới	100	VOV1
			103,5	VOV2
			101,5	VOV3
			91,5	VOVGT
		H. Minh Hóa	95	VOV1
19	Quảng Trị	TP. Đông Hà	94	VOV1
			96,5	VOV2
			101	VOV3
			88,5	VOVGT
		TT. Khe Sanh	100	VOV1
20	Thừa Thiên Huế	TP. Huế ⁽⁴⁾	95	VOV1
			101,5	VOV3
			104,5	TA 24/7
		H.A Lưới	100	VOV1
		Núi Bạch Mã	99,5	VOV2

21	Đà Nẵng	BD Sơn Trà	100	VOV1-4
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			91	VOVGT
			89	VOV FM89
			104	TA 24/7
22	Quảng Nam	H. Đông Giang	95	VOV1-4
23	Quảng Ngãi	Lý Sơn	95	VOV1
		TP. Quảng Ngãi	94	VOV1
			99,5	VOV2
			101	VOV3
			91,5	VOVGT
24	Bình Định	Núi Vũng Chùa	95	VOV1
			103,5	VOV2
			101,5	VOV3
			91	VOVGT
25	Phú Yên	Núi Chóp Chài	100	VOV1
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			90,5	VOV4
			91,5	VOVGT
26	Khánh Hòa	TP. Nha Trang	95	VOV1
			96,5	VOV2
			101	VOV3
			91	VOVGT
			104	TA 24/7
27	Ninh Thuận	Tx. Phan Rang	100	VOV1
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			90,5	VOV4
			91,5	VOVGT
28	Bình Thuận	TP. Phan Thiết	94	VOV1
			103,5	VOV2
			101,5	VOV3
			97	VOV4
			91,5	VOVGT
29	Kon Tum	Tx. Kon Tum	100	VOV1
			103,5	VOV2
			101,5	VOV3
			90,5	VOV4
		H. Ngọc Hồi	94	VOV1-4

30	Gia Lai	TP. Plei Ku	100	VOV1
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			90,5	VOV4
31	Đắk Lắk	Đèo Hà Lan	94	VOV1
		Đài PSPT Đắk Lắk	100	VOV1
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			88	VOV4
91	VOVGT			
32	Đắk Nông	TT. Gia Nghĩa	95	VOV1
			99,5	VOV2
			101	VOV3
			90,5	VOV4
33	Lâm Đồng	Cầu Đất	100	VOV1
			103,5	VOV2
			101,5	VOV3
			88	VOV4
34	Tây Ninh	Núi Bà Đen	101	VOV3
35	TP. HCM	TP. HCM	94	VOV1
			96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			105,7	VOV5
			91	VOV GT
			89	VOV FM89
			104	TA 24/7
36	Cần Thơ	Đài PSPT VN2 (Ô Môn)	94	VOV1
			96,5	VOV2
			88	VOV4
			90	VOVGT
			89	VOV FM89
			104	TA 24/7
37	An Giang	Núi Cấm	96,5	VOV2
			102,7	VOV3
			90,5	VOV4
38	Trà Vinh	TP. Trà Vinh	95	VOV1
			103,5	VOV2
39	Cà Mau	TP. Cà Mau	97,8	VOV1
			101,5	VOV3

40	Các đảo lớn trên biển Việt Nam	Cô Tô Q.Ninh	100	VOV1
		Hòn Mê T.Hóa	100	VOV1
		Cồn Cỏ Q.Trị	95	VOV1
		Cù Lao Chàm - Q.Nam	94	VOV1
		Phú Quý - Bình Thuận	95	VOV1
		Côn Đảo - BR-VT	100	VOV1
		Phú Quốc - Kiên Giang	95	VOV1
			103,5	VOV2
			101	VOV3
			104,5	TA 24/7
		Thổ Chu - Kiên Giang	100	VOV1
Trường Sa - Khánh Hòa	100	VOV1		

Chú thích

(1) Vị trí chính xác (kinh độ, vĩ độ) của địa điểm nơi đặt anten, độ cao anten, công suất phát sóng của các đài phát sóng phát thanh FM thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

(2) VOV1, VOV2, VOV3, VOV4, VOV5, VOVT, TA 24/7, FM89 là tên các kênh chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam triển khai trên các kênh tần số được phân bổ:

- VOV1: Thời sự - Chính trị - Tổng hợp;
- VOV2: Văn hoá - Đời sống - Khoa giáo;
- VOV3: Âm nhạc - Thông tin - Giải trí;
- VOV4: Phát thanh tiếng dân tộc;
- VOV5: Phát thanh đối ngoại;
- VOV1-4: Phát kênh chương trình VOV4, thời gian còn lại phát kênh chương trình VOV1;
- VOV2-4: Phát kênh chương trình VOV4, thời gian còn lại phát kênh chương trình VOV2;
- VOV3-4: Phát kênh chương trình VOV4, thời gian còn lại phát kênh chương trình VOV3;
- VOVT: Kênh giao thông quốc gia;
- TA 24/7: Kênh tiếng Anh 24/7;
- FM 89: Kênh Sức khỏe và An toàn thực phẩm.

(3) Trong trường hợp Đài Tiếng nói Việt Nam phát sóng phát thanh FM tại Núi Đại Huệ, Nghệ An để thay thế cho điểm phát sóng tại Núi Thiên Tượng, các kênh tần số tương ứng đã phân bổ cho Đài Tiếng nói Việt Nam tại điểm phát sóng Núi Thiên Tượng sẽ được chuyển về Núi Đại Huệ.

(4) Trong trường hợp Đài Tiếng nói Việt Nam phát sóng phát thanh FM kênh chương trình VOV1 tại Núi Bạch Mã để thay thế cho điểm phát sóng tại thành phố Huế, kênh tần số 95 MHz đã phân bổ cho Đài Tiếng nói Việt Nam tại điểm phát sóng thành phố Huế sẽ được chuyển về Núi Bạch Mã.

PHỤ LỤC III

BẢNG PHÂN BỐ KÊNH TẦN SỐ ĐỂ PHÁT SÓNG PHÁT THANH FM KÊNH CHƯƠNG TRÌNH THUỘC ĐÀI PHÁT THANH, ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2017/TT-BTTTT ngày 07/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên tỉnh, thành phố ⁽¹⁾ (địa bàn đặt đài phát sóng)	Tần số trung tâm (MHz)	Công suất phát sóng tham chiếu (kW) ⁽²⁾
1	Hà Giang	92	5
2	Lào Cai	97	5
3	Cao Bằng	99	5
4	Điện Biên	98	5
5	Lai Châu	94,1	5
6	Tuyên Quang	95,6	5
7	Yên Bái	92,1	5
8	Sơn La	96	5
9	Bắc Kạn ⁽³⁾	99,3	5
10	Thái Nguyên	106,5	5
11	Lạng Sơn	88,6	5
12	Phú Thọ	106	5
13	Vĩnh Phúc	100,7	2
14	Bắc Giang	98,4	5
15	Bắc Ninh	92,1	2
16	TP. Hà Nội	90	20
		96	
		98,9	
17	Hòa Bình	105	5
18	Hưng Yên	92,7	2
19	Hải Dương	104,5	3
20	Hải Phòng	93,7	5
21	Quảng Ninh	97,8	5
22	Thái Bình	97	2
23	Nam Định	95,1	2
24	Ninh Bình	98,1	2
25	Hà Nam	93,3	2

26	Thanh Hóa	92,3	5
27	Nghệ An	99,6	5
28	Hà Tĩnh	97,8	5
29	Quảng Bình	96,1	5
30	Quảng Trị	92,5	5
31	Thừa Thiên Huế	93	5
32	Đà Nẵng ⁽³⁾	96,3	5
33	Quảng Nam	97,6	5
34	Quảng Ngãi	102,9	5
35	Bình Định	97	5
36	Phú Yên	96	5
37	Khánh Hòa	106,5	5
38	Ninh Thuận	95	5
39	Bình Thuận	92,3	5
40	Kon Tum	95,1	5
41	Gia Lai	102	5
42	Đắk Nông	96,6	5
43	Đắk Lắk	94,7	5
44	Lâm Đồng	97	5
45	Bình Phước	89,4	5
46	Bình Dương	92,5	3
47	Đồng Nai	97,5	5
48	Tây Ninh	103,1	5
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	92	3
50	TP. Hồ Chí Minh	99,9	20
		95,6	
		87,7	
51	Long An	96,9	5
52	Tiền Giang	96,2	3
53	Đồng Tháp	98,4	5
54	An Giang	93,1	5
55	Bến Tre	97,9	3
56	Vĩnh Long	90,2	2

57	Trà Vinh	92,7	3
58	Cần Thơ	97,3	5
59	Hậu Giang	89,6	3
60	Sóc Trăng	100,4	5
61	Kiên Giang	99,4	5
62	Bạc Liêu	93,8	3
63	Cà Mau	94,6	5

Chú thích

(1) Vị trí chính xác (kinh độ, vĩ độ) của địa điểm nơi đặt anten, độ cao anten, công suất phát sóng của các đài phát sóng phát thanh FM tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

(2) Công suất phát sóng tham chiếu là giá trị dùng để đánh giá khả năng can nhiễu giữa các đài phát sóng phát thanh FM. Tỉnh có diện tích lớn hoặc do đặc thù về điều kiện địa hình, địa điểm đặt máy phát sóng có thể đề xuất sử dụng máy phát có công suất lớn hơn, nhưng không vượt quá 200%, mức công suất phát sóng tham chiếu. Cục Tần số vô tuyến điện tính toán ấn định công suất phát và quy định sử dụng anten có hướng tính phù hợp để đảm bảo không gây nhiễu có hại tới địa bàn phủ sóng của đài phát sóng phát thanh FM tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. Công suất phát sóng và hướng tính anten được quy định cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

(3) Phân bổ kênh tần số dự phòng: Đối với Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Đà Nẵng và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn, trong trường hợp phải thực hiện chuyển đổi tần số hoạt động từ kênh tần số đã được phân bổ sang kênh tần số khác để tạo điều kiện cho Đài Tiếng nói Việt Nam triển khai phát sóng theo quy hoạch, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Đà Nẵng và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn được phân bổ dự phòng các kênh tần số cụ thể sau:

Tên tỉnh, thành phố (địa bàn đặt đài phát sóng)	Tần số trung tâm (MHz)
Bắc Kạn	102,1
Đà Nẵng	98,5

PHỤ LỤC IV

THAM SỐ TÍNH TOÁN ÁN ĐỊNH KÊNH TẦN SỐ CHO PHÁT THANH FM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2017/TT-BTTTT ngày 07/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Các tham số dùng cho tính toán ấn định kênh tần số cho phát thanh FM dựa trên Khuyến nghị ITU-R BS.412-9, cụ thể như sau:

1. Mức cường độ trường tối thiểu

Vùng phủ sóng được tính với mức cường độ trường tối thiểu là 54 dB(μ V/m) đối với đài phát sóng phát thanh FM Stereo và 48 dB(μ V/m) đối với đài phát sóng phát thanh FM Mono.

2. Tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu

Tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu là giá trị tối thiểu của tỷ số giữa tín hiệu mong muốn trên tín hiệu không mong muốn, được thể hiện theo decibel ở đầu vào của máy thu như trong bảng sau đây:

Khoảng cách sóng mang (kHz)	Tỷ số bảo vệ tín hiệu trên nhiễu (dB) với độ lệch tần số cực đại ± 75 kHz			
	Mono FM		Stereo FM	
	Nhiều liên tục	Nhiều gián đoạn	Nhiều liên tục	Nhiều gián đoạn
0	36.0	28.0	45.0	37.0
25	31.0	27.0	51.0	43.0
50	24.0	22.0	51.0	43.0
75	16.0	16.0	45.0	37.0
100	12.0	12.0	33.0	25.0
125	9.5	9.5	24.5	18.0
150	8.0	8.0	18.0	14.0
175	7.0	7.0	11.0	10.0
200	6.0	6.0	7.0	7.0
225	4.5	4.5	4.5	4.5
250	2.0	2.0	2.0	2.0
275	-2.0	-2.0	-2.0	-2.0
300	-7.0	-7.0	-7.0	-7.0
325	-11.5	-11.5	-11.5	-11.5
350	-15.0	-15.0	-15.0	-15.0
375	-17.5	-17.5	-17.5	-17.5
400	-20.0	-20.0	-20.0	-20.0

PHỤ LỤC V

THỨ TỰ ƯU TIÊN CÁC ĐOẠN BĂNG TẦN ĐỀ XEM XÉT, ẮN ĐỊNH CHO ĐÀI PHÁT SÓNG PHÁT THANH FM CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2017/TT-BTTTT ngày 17/12/2017
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Thứ tự ưu tiên	Đoạn băng tần
1	93 – 96 MHz
2	96 – 99 MHz
3	90 – 93 MHz
4	88 – 90 MHz
5	99 – 101 MHz
6	103 – 105 MHz
7	101 – 103 MHz